

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: tổ 7, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1985; cư trú tại: tổ 7, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc Th đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thanh Th tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 10 tháng 02 năm 2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01). Năm 2016, chị Th và anh Th phát sinh mâu thuẫn do anh Th uống rượu, đánh bạc

và gây nợ; vợ chồng cũng đã hòa giải, hàn gắn. Đến tháng 9 năm 2018, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Th vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu về nhà mắng chửi vợ con, chị Th luôn phải sống trong sự sợ hãi. Chị Th và anh Th không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nay chị Th không thể tiếp tục chung sống với anh Th nên chị Th yêu cầu ly hôn anh Th.

Về nuôi con chung: chị Th và anh Th có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Nguyễn Lâm Th, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2008. Hiện hai cháu đang sống cùng chị Th. Chị Th yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị Th không yêu cầu tranh chấp.

Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 4 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: anh Th và chị Th đăng ký kết hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện. Năm 2014, anh Th và chị Th phát sinh mâu thuẫn do anh Th uống rượu và đánh bạc; anh Th vẫn chưa bỏ được những thói hư tật xấu này. Đến năm 2018, anh Th có đánh chị Th nên chị Th làm đơn ly hôn. Anh Th và chị Th không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nay anh Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th vì anh Th còn thương vợ con; anh Th hứa sửa sai những gì mình làm.

Về nuôi con chung: nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Th đồng ý cho hai con chung là cháu Diễm và cháu Thái ở với chị Th.

Về chia tài sản, nợ chung: anh Th không yêu cầu tranh chấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 15 tháng 5 năm 2019, Tòa án triệu tập họp lệ anh Th lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2019, anh Th vắng mặt không lý do; ngày 05 tháng 6 năm 2019, Tòa án triệu tập họp lệ anh Th lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 25 tháng 6 năm 2019, anh Th cũng vắng mặt không lý do. Do anh Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị Th và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Th cho rằng anh Th

thường xuyên uống rượu, đánh bạc, gây nợ, đánh chửi vợ con. Đến tháng 9 năm 2018, anh Th vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Lời khai của anh Th cũng thừa nhận điều này. Hiện vợ chồng chị Th và anh Th đã không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Theo Biên bản xác minh ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Tòa án lập (bút lục số 39 và số 40) cũng xác định chị Th và anh Th không còn sống chung với nhau, chị Th đã chuyển về nhà mẹ ruột ở xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương sống. Xét thấy, việc anh Th đánh chị Th là hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; đây là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th và anh Th là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, chị Th không muốn tiếp tục chung sống với anh Th nên chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Th và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, quyết định cho chị Th và anh Th ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Nguyễn Lâm Th, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2008 và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu D và cháu Th đang sống cùng với chị Th; cháu Diễm đã hơn 13 tuổi và cháu Thái đã hơn 10 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị Th (bút lục số 25 và số 26); anh Th cũng đồng ý giao cháu D và cháu Th cho chị Th trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu của chị Th về nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Th có trách nhiệm giao cháu D và cháu Th cho chị Th trực tiếp nuôi. Chị Th không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Th và anh Th không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm h khoản 2 Điều 5, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Th.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Thanh Th.

- Về nuôi con chung:

Anh Nguyễn Thanh Th có trách nhiệm giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Nguyễn Lâm Th, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th trực tiếp nuôi, chị Nguyễn Thị Ngọc Th không yêu cầu anh Nguyễn Thanh Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản, nợ chung: chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Thanh Th không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc Th đã nộp theo biên lai số AA/2016/0020838 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Ngọc Th đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

Huỳnh Kim Xuyên